TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 69/2019/QĐST–HNGĐ	*Tân Phú Đông, ngày 03 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H , sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tân T , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tân N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:* Chị H và anh N thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tân N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình chị H không được ngăn cản.

** Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu D.

** Về tài sản chung:*

Anh, chị thỏa thuận tài sản chung gồm:

+ 70.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất.

+ Thửa 1281, diện tích đo đạc thực tế 2.135m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.135m^2), loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01167 ngày 28/7/2015 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân, T xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

+ Thửa 1284, diện tích đo đạc thực tế 2.053,8m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.091m^2, diện tích giảm do sai số đo đạc), loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01167 ngày 28/7/2015 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T, xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

+ Thửa 1104, diện tích đo đạc thực tế 231,2m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.343m^2, diện tích đất giảm do sạt lở tự nhiên), loại đất trồng chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00420 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

+ Thửa 1046, diện tích đo đạc thực tế 930m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 930m^2), loại đất ở nông thôn (300m^2) + đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00419 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T, xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

+ Thửa 1047, diện tích đo đạc thực tế 3.483m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là3.446m^2, diện tích tăng do sai số), loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00420 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

Ngoài ra, còn có một số tài sản chung khác, anh chị tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N và chị H thỏa thuận chia tài sản chung chia đôi, cụ thể như sau:

- Về tiền: Chị H và anh N mỗi người được hưởng 35.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất. Chị H giữ tiền nên có nghĩa vụ giao lại cho anh N số tiền 35.000.000 đồng.

- Về đất: Anh N được nhận toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 1104, 1046, 1047 và chị H được nhận toàn bộ diện tích đất và cây mãng cầu trên đất thuộc thửa 1284, 1281. Do anh Nhi được nhận diện tích đất nhiều hơn so với chị H nên anh N có nghĩa vụ giao lại cho chị H số tiền chênh lệch đất là 31.824.000 đồng. Cấn trừ tiền chị H có

nghĩa vụ giao cho anh N và tiền anh N có nghĩa vụ giao cho chị H. Như vậy, chị Hương có nghĩa vụ giao cho anh N số tiền 3.176.000 đồng.

Anh N được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất, cụ thể như sau:

+ Thửa 1104, diện tích đo đạc thực tế 231,2m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.343m^2, diện tích đất giảm do sạt lở tự nhiên), loại đất trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00420 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N, đất tại ấp Tân T, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B. Có vị trí như sau:

Đông giáp thửa 1281 cạnh 10.8m

Nam giáp sông Cửa Đại cạnh 43.03m

Bắc giáp thửa 1047 cạnh 43.28m

+ Thửa 1046, diện tích đo đạc thực tế 930m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 930m^2), loại đất ở nông thôn (300m^2) + đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00419 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B. Có vị trí như sau:

Đông giáp thửa 1047 cạnh 31.43m + 10.68m + 46.93m + 5.95m + 6.46m

Tây giáp rạch công cộng cạnh 13.71m + 10.76m + 35.08m + 22.69m

Nam giáp sông Cửa Đại cạnh 12.15m

Bắc giáp thửa 1047 cạnh 19.01m

+ Thửa 1047, diện tích đo đạc thực tế 3.483m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là3.446m^2, diện tích tăng do sai số), loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00420 ngày 03/01/2013 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B.

Đông giáp thửa 1281, 1284 cạnh 19.99m + 77.80m

Tây giáp thửa 1046, rạch công cộng cạnh 5.1m + 19.01m + 31.43m + 10.68m + 46.93m + 5.95m + 6.46m

Nam giáp thửa 1104 cạnh 43.28m

Bắc giáp thửa 1003, 1005 cạnh 34.12m + 6.26m + 12.51m

- Chị H được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất và cây mãng cầu trên đất, cụ thể như sau:

+ Thửa 1281, diện tích đo đạc thực tế 2.135m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.135m^2), loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01167 ngày 28/7/2015 do Ủy ban nhân dân

huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N , đất tại ấp Tân T , xã Tân Th, huyện A , tỉnh B. Có vị trí như sau:

Đông giáp thửa 1283, 1282 cạnh 88.6m

Tây giáp thửa 1047, 1104 cạnh 77.8m + 10.8m

Nam giáp sông Cửa Đại cạnh 24.1m

Bắc giáp thửa 1284 cạnh 24.1m

+ Thửa 1284, diện tích đo đạc thực tế 2.053,8m^2 (diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.091m^2, diện tích giảm do sai số đo đạc), loại đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 5, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01167 ngày 28/7/2015 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tân N, đất tại ấp Tân T, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B. Có vị trí như sau:

Đông giáp thửa 1285 cạnh 85.5m

Tây giáp thửa 938, 1003, 1047 cạnh 19.99m + 65.01m

Nam giáp thửa 1281 cạnh 24.1m

Bắc giáp thửa 1286 cạnh 24.1m

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Anh N đang quản lý, sử dụng đất nên phải có nghĩa vụ giao đất cho chị H vào ngày 19/6/2019. Chị H có nghĩa giao tiền cho anh N vào ngày 19/6/2019.

Anh N , chị H được quyền liên hệ cơ quan chức năng để tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định.

* *Về nợ chung*: Anh, chị xác định không có nợ chung.

* *Về án phí:* H tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng và chị H có nghĩa vụ nộp án phí chia tài sản chung là 4.795.500 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.628.750 đồng theo biên lai thu tiền số 48967 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên hoàn lại cho chị H số tiền chênh lệch là 683.250 đồng.

Anh N có nghĩa vụ nộp án phí chia tài sản chung là 4.795.500 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày anh Nhi, chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Tân Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Văn L